SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 483/QĐ-CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07/03/2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-CĐKT ngày 07/09/2017 của trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Cao đẳng hình thức Chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CĐKT ngày 11/01/2019 của trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về việc điều chỉnh một số điều của Quy định đào tạo trình độ cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hình thức chính quy ".

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 105/QĐ-CĐKT ngày 15/03/2019 và được áp dụng đối với sinh viên cao đẳng chính quy khóa tuyển sinh từ năm 2017.

Điều 3. Các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên thuộc các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Như Điều (3);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Quản

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
ĐỐI VỚI SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-CĐKT ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên cao đẳng hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) gồm: Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp và việc miễn các môn học ngoại ngữ cho sinh viên cao đẳng chính quy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hình thức chính quy tuyển sinh từ năm 2017.

Chương 2
YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ KHI TỐT NGHIỆP

Điều 3. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định theo quy chế đào tạo hiện hành, sinh viên phải có chứng chỉ quốc tế hoặc quốc gia đủ điều kiện theo chuẩn đầu ra ngoại ngữ (CĐRNN) của Trường. Sinh viên đạt CĐRNN là sinh viên có năng lực ngoại ngữ như sau:

STT	Ngành	Loại hình đào tạo	Theo khung NLNN 6 bậc Việt Nam	TOEIC (Nghe, đọc)	IELTS	TOEFL IBT (iBT)	Cambridge Tests	Tiếng Hàn		Tiếng Trung
1	Tất cả các ngành (trừ ngành Tiếng Anh, CTXH, Tiếng Hàn)	Đại trà	Bậc 2	400	3.0 – 3.5	--	120-139 A2 Key (for schools)	TOPIK 1 cấp 2	KLAT 1 cấp 2	HSK cấp 2
2	Ngành CTXH	Đại trà	Bậc 2	400	3.0 – 3.5	--	120-139 A2 Key (for schools)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
3	Ngành tiếng Hàn	Đại trà	Bậc 4	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	TOPIK 2 cấp 2	KLAT 2 cấp 2	Không áp dụng
4	Tiếng Anh	Đại trà	Bậc 4	600	5.5 – 6.5	72	160 – 179 B2 First (for schools)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
5	Tất cả các ngành (trừ ngànhTiếng Anh)	Chất lượng cao	Bậc 3	500	4.0 5.0	42	140-159 B1 Preliminary (for schools)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6	Tiếng Anh	Chất lượng cao	Bậc 4	600	5.5 – 6.5	72	160 – 179 B2 First (for schools)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

Điều 4. Xét đạt yêu cầu trình độ ngoại ngữ đầu ra

1. Sinh viên có chứng chỉ được cấp bởi các tổ chức khảo thí hợp pháp phải 01 nộp bản sao công chứng giấy chứng nhận kết quả thi hoặc chứng chỉ về Phòng Đào tạo;

2. Đối với chứng chỉ Tiếng Anh quốc gia phải được cấp bởi các đơn vị tổ chức thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh (6 bậc) được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận

(Xem Phụ lục đính kèm) và ngày cấp chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng tính từ ngày nộp đơn xét tốt nghiệp.

3. Đối với Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế là hợp lệ nếu được cấp hoặc xác nhận bởi các tổ chức: Cambridge Assessment English, ETS, British Council, IDP và ngày cấp chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng tính từ ngày nộp đơn xét tốt nghiệp.

4. Đối với chứng chỉ Tiếng Hàn và tiếng Trung quốc tế là hợp lệ nếu được cấp hoặc xác nhận bởi các tổ chức:

- HSK do tổ chức HANBAN cấp
- Topik do Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn quốc cấp
- Klat do Cục nghiên cứu giáo dục Hàn quốc cấp

Chương 3

VỀ VIỆC MIỄN CÁC MÔN HỌC NGOẠI NGỮ CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Điều 5. Phạm vi các môn học được miễn

1. Phạm vi được miễn môn học gồm: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, TIếng Hàn 1, Tiếng Hàn 2, Tiếng Trung 1, Tiếng Trung 2;

2. Khi được miễn môn học nào trong các môn học trên, sinh viên sẽ không đóng học phí môn học đó, được thể hiện điểm "Miễn" trên phiếu điểm và <u>không</u> được tính vào điểm trung bình chung học tập cũng như không được tính vào điểm xét học bổng.

Điều 6. Đối tượng, căn cứ và thời gian xét miễn các môn học ngoại ngữ

1. Sinh viên được xét miễn các môn học trên nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

- Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc gia hoặc quốc tế hợp lệ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với ngành và loại hình đào tạo tại điều 3;
- Có đơn xin miễn môn học (theo mẫu) gửi đúng thời gian quy định.

2. Căn cứ cho việc xét miễn được dựa trên kết quả so sánh các chứng chỉ quốc gia và quốc tế với kết quả học tập của từng môn học đã nêu ở điều 5;

3. Trong vòng một tháng của học kỳ đầu tiên của khóa học sinh viên phải nộp các giấy tờ sau để miễn môn học theo thời gian do Phòng đào tạo quy định:

- 01 đơn xin miễn môn học (theo mẫu);
- 01 bản sao công chứng của những chứng chỉ nêu trên.

Chương 4

THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Sinh viên sử dụng chứng chỉ, kết quả thi ngoại ngữ giả mạo, văn bằng giả mạo sẽ bị xử lý theo luật định hiện hành của cơ quan Nhà nước.

3. Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế nếu cần thiết Hiệu trưởng sẽ quyết định bổ sung, sửa đổi điều chỉnh Quy định này cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Quản

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Danh sách các đơn vị tổ chức thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh (6 bậc) được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận

(Kèm theo Quyết định số 483 /QĐ-CĐKT ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh)

1. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế.
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.
4. Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.
5. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
6. Đại học Thái Nguyên
7. Trường Đại học Hà Nội
8. Trường Đại học Cần Thơ

Ghi chú:

Phụ lục này có thể được xem xét cập nhật khi có sự điều chỉnh từ các cơ quan, tổ chức hữu quan./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ
đối với việc xét đạt yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên trường Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

Cấp độ CEFR	Tiếng Anh					Tiếng Hàn		Tiếng Trung	
	JETSET	IELTS	TOEIC (Nghe, Đọc)	TOEFL iBT	Cambridge Tests	TOPIK	KLAT	HSK	KNLNN 6 bậc của Việt Nam
C2	Level 7	8.5	--	--	C2 Proficiency	TOPIK 3 cấp 2	KLAT 3 cấp 2	HSK cấp 6	6
C1	Level 6	7.0-8.0	850	95	C1 Advanced	TOPIK 3 cấp 1	KLAT 3 cấp 1	HSK cấp 5	5
B2	Level 5	5.5-6.5	600	72	160 – 179 B2 First (for schools)	TOPIK 2 cấp 2	KLAT 2 cấp 2	HSK cấp 4	4
B1	Level 4	4.0-5.0	500	42	140-159 B1 Preliminary (for schools)	TOPIK 2 cấp 1	KLAT 2 cấp 1	HSK cấp 3	3

Cấp độ CEFR	Tiếng Anh					Tiếng Hàn		Tiếng Trung	
	JETSET	IELTS	TOEIC (Nghe, Đọc)	TOEFL iBT	Cambridge Tests	TOPIK	KLAT	HSK	KNLNN 6 bậc của Việt Nam
A2	Level 3	3.0-3.5	400	--	120-139 A2 Key (for schools)	TOPIK 1 cấp 2	KLAT 1 cấp 2	HSK cấp 2	2
A1	Level 2	--	120	--		TOPIK 1 cấp 1	KLAT 1 cấp 1	HSK cấp 1	1